

Bản án số: 40/2025/KDTM-ST

Ngày: 02/6/2025

*V/v: Tranh chấp phát sinh từ hợp
đồng tín dụng.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh*
- *Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Thân, ông Nguyễn Tiến Chuyên*
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Chu Bích Thủy*
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hường - Kiểm sát viên*

Trong ngày 02/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 104/TLST-KDTM ngày 29/11/2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (viết tắt là V1). Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT. Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý theo văn bản uỷ quyền số 38a/2024/UQN-CTQT ngày 01/06/2024. Đại diện uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Phan Văn N và ông Lê Văn L. Theo giấy uỷ quyền số 07 ngày 23/8/2024. (Ông L có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH T1. Địa chỉ: Số C, ngõ C H, tổ E, phường C, quận N, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đình G – Giám đốc. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Đình G, sinh năm 1977

HKTT: Số C, ngõ C H, tổ E, phường C, quận N, Hà Nội. Nơi ở hiện nay: BT3.04 Khu đô thị X, phường X, quận N, Hà Nội. (Vắng mặt)

2. Ông Đỗ Xuân T, sinh năm 1977

HKTT: Số H, Khu T T, phường Y, quận C, Hà Nội. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty T1 và Ngân hàng có ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 071122-9334321-01-SME ngày 07/11/2022 và khế ước nhận nợ kèm theo, với số tiền vay là: 500.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại thiết bị y tế.

- Khế ước nhận nợ số 101122-9334321-ONL- 3 ngày 10/11/2022, số tiền nhận nợ: 100.000.000 đồng; Thời hạn vay: 6 tháng; Lãi suất cho vay thời điểm giải ngân: 19,80%/năm

- Khế ước nhận nợ số 180423-9334321-ONL-5, số tiền nhận nợ số: 400.000.000 đồng; Thời gian vay: 6 tháng; Lãi suất cho vay thời điểm giải ngân: 19,10%/năm.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Ông Phạm Đình G và ông Đỗ Xuân T cùng Ngân hàng ký Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 07/11/2022; Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL ngày 07/1/2022 ông Phạm Đình G và ông Đỗ Xuân T là bên bảo lãnh đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh là Công ty T1 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 071122-9334321-01-SME ngày 07/11/2022, Khế ước nhận nợ số 101122-9334321-ONL-3 ngày 10/11/2022, Khế ước nhận nợ số 180423-9334321-ONL-5 và hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 kể từ ngày 10/10/2023. Do đó, V1 đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và văn bản liên quan. Tạm tính đến ngày 05/08/2024, Công ty T1 nợ Ngân hàng số tiền như sau: Nợ gốc: 414.316.910 đồng; Nợ lãi: 92.883.181 đồng; Tổng cộng: 507.200.091 đồng.

Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm giải quyết:

Buộc Công ty T1 phải thanh toán cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả theo Hợp đồng tín dụng và các văn bản tín dụng liên quan nêu trên tạm tính đến ngày 05/08/2024, số tiền là 507.200.091, trong đó: Nợ gốc: 414.316.910đ; Nợ lãi: 92.883.181đ.

Trong trường hợp Công ty T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1, đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Đình G và ông Đỗ Xuân T có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả theo Hợp đồng tín dụng và các văn bản tín dụng liên quan.

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi và phạt chậm trả theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty T1 thực tế thanh toán hết nợ cho V1.

Quá trình giải quyết bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, do đó Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ theo Hợp đồng vay và các khế ước nhận nợ số tiền tạm tính đến ngày 02/6/2025 tổng cộng: 608.794.058đ, trong đó gốc 414.316.910đ, lãi trong hạn : 5.364.384đ, lãi quá hạn : 189.112.764đ và các khoản lãi, phí phát sinh theo các Hợp đồng, Khế ước nhận nợ đã ký kể từ ngày 03/6/2025 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp Công ty T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1 thì ông Phạm Đình G và ông Đỗ Xuân T có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, theo hợp đồng cho vay, các khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng liên quan theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 07/11/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL ngày 07/1/2022 đã ký kết. Trường hợp Công ty TNHH T1, ông Phạm Đình G, ông Đỗ Xuân T không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh kê biên các tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty TNHH T1, ông Phạm Đình G, ông Đỗ Xuân T để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án tại phiên tòa: HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được HĐXX thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 BLTTDS. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm và hướng giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ theo Hợp đồng vay và các Khế ước nhận nợ đã ký số tiền tạm tính đến ngày 02/6/2025 tổng cộng: 608.794.058đ, trong đó gốc 414.316.910đ, lãi trong hạn : 5.364.384đ, lãi quá hạn: 189.112.764đ và các khoản lãi, phí phát sinh theo các Hợp đồng, Khế ước nhận nợ đã ký kể từ ngày 03/6/2025 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp Công ty T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1 thì ông Phạm Đình G và ông Đỗ Xuân T có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, theo hợp đồng cho vay, các khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng liên quan theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 07/11/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL ngày 07/1/2022 đã ký kết. Trường hợp Công ty TNHH T1, ông Phạm Đình G, ông Đỗ Xuân T không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thì

Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh kê biên các tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty TNHH T1, ông Phạm Đình G, ông Đỗ Xuân T để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp cùng các tài liệu, chứng cứ do Tòa án xác minh thu thập được xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Bị đơn là Công ty TNHH T1 có trụ sở tại số C, ngõ C phố H, phường C, quận N, Hà Nội. Do đó TAND quận Nam Từ Liêm, Hà Nội giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 227 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt đương sự là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Công ty T1 và Ngân hàng có ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 071122-9334321-01-SME ngày 07/11/2022 và khế ước nhận nợ kèm theo, với số tiền vay là: 500.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại thiết bị y tế. Ngày 10/11/2022 hai bên ký Khế ước nhận nợ số 101122-9334321-ONL-3, số tiền nhận nợ: 100.000.000 đồng; Thời hạn vay: 6 tháng; Lãi suất cho vay thời điểm giải ngân: 19,80%/năm; Khế ước nhận nợ số 180423-9334321-ONL-5, số tiền nhận nợ số: 400.000.000 đồng; Thời gian vay: 6 tháng; Lãi suất chi vay thời điểm giải ngân: 19,10%/năm.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Ông Phạm Đình G và ông Đỗ Xuân T cùng Ngân hàng có ký Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 07/11/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL ngày 07/1/2022 theo đó ông Phạm Đình G và ông Đỗ Xuân T là bên bảo lãnh đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh là Công ty T1 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 071122-9334321-01-SME ngày 07/11/2022, Khế ước nhận nợ số 101122-9334321-ONL-3 ngày 10/11/2022, Khế ước nhận nợ số 180423-9334321-ONL-5 và hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Sau khi Ngân hàng giải ngân, Công ty T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 103.868.163đ, trong đó gốc 85.683.090đ, lãi 18.185.073đ. Đến kỳ hạn thanh toán Công ty T1 không thực hiện việc thanh toán cho Ngân hàng, Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 kể từ ngày 10/10/2023. Do đó, V1 đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng và văn bản liên quan. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và yêu cầu Công ty T1 thanh toán khoản nợ nhưng Công ty không thực hiện nghĩa vụ của mình.

Như vậy, ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 071122-9334321-01-SME ngày 07/11/2022; Khế ước nhận nợ số 101122-9334321-ONL-3 ngày 10/11/2022; Khế ước nhận nợ số 180423-9334321-ONL-5, Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 07/11/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL ngày 07/1/2022 được ký kết tự nguyện, nội dung và hình thức tuân thủ đúng quy định của pháp luật, các bên đã tự nguyện thi hành, không bên nào có ý kiến gì về hợp đồng đã ký kết nên có hiệu lực thi hành, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ cần chấp nhận. Buộc bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 02/6/2025 là: 608.794.058đ, trong đó gốc 414.316.910đ, lãi trong hạn : 5.364.384đ, lãi quá hạn: 189.112.764đ và các khoản lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức, các khế ước nhận nợ đã ký kể từ ngày 03/6/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp Công ty T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1 thì ông Phạm Đình G và ông Đỗ Xuân T có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, theo hợp đồng cho vay, các khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng liên quan theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 07/11/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL ngày 07/1/2022. Trường hợp Công ty TNHH T1, ông Phạm Đình G, ông Đỗ Xuân T không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh kê biên các tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty TNHH T1, ông Phạm Đình G, ông Đỗ Xuân T để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định, trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 134, 410 BLDS 2005; Điều 292, 295, 298, 299, 323, 463, 466, 688 BLDS năm 2015; Điều 26, 35, 147, 157, 227 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty TNHH T1. Buộc Công ty TNHH T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm tính đến ngày 02/6/2025 là: 608.794.058đ, trong đó nợ gốc 414.316.910đ, lãi trong hạn: 5.364.384đ, lãi quá hạn: 189.112.764đ và các khoản lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức, các Khế ước nhận nợ đã ký kể từ ngày 03/6/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp Công ty TNHH T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V thì ông Phạm Đình G và ông Đỗ Xuân T có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH T1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức, các khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng

liên quan theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 07/11/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL ngày 07/1/2022.

Trường hợp Công ty TNHH T1, ông Phạm Đình G, ông Đỗ Xuân T không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh kê biên các tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty TNHH T1, ông Phạm Đình G, ông Đỗ Xuân T để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Về án phí: Buộc Công ty TNHH T1 phải nộp 28.351.762đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP V 12.145.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0027702 ngày 28/11/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan THA dân sự;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Vinh